TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 - LÂM ĐỒNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/DS-ST
Ngày : 30 - 9 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Nữ;
Bà Trần Thị Ngọ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Long Thị Thu Thủy-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 308/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 424/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Phạm Ngọc D, sinh năm: 1972; địa chỉ cũ: Khu phố 2, thị trấn HL, huyện TB, tỉnh Quãng Nam. Người đại diện hợp pháp: Ông Đồng Vũ Trường A, sinh năm: 1991; địa chỉ: Thôn 3, xã TM, tỉnh Lâm Đồng. Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 16/5/2025 tại Văn phòng Công chứng HTNH (có mặt);

2. *Bị đơn*: Bà Võ Thị Thu M, sinh năm: 1976, ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976; cùng địa chỉ: Thôn 5, xã TM, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 15/5/2025 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Phạm Ngọc D và người đại diện hợp pháp là ông Đồng Vũ Trường A trình bày:

Ngày 03/5/2023, ông Phạm Ngọc D có cho vợ chồng bà Võ Thị Thu M và ông Nguyễn Văn T vay số tiền là 640.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, việc

vay tiền được lập thành văn bản, theo Giấy vay tiền đề ngày 03/5/2023 có chữ ký, điểm chỉ của người vay là bà M và ông T.

Theo giấy vay tiền trên, lãi suất cho vay các bên thỏa thuận là 3,9%/tháng, thời hạn cho vay là 01 tháng, đến ngày 03/6/2023, bà M, ông T sẽ hoàn trả đủ tiền cho ông D. Để làm tin, bà M, ông T có giao cho ông D bản chính Giấy chứng nhận số BC 658058 đối với thửa đất số 148, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.233m^2; đến khi bà M, ông T trả nợ cho ông D thì ông sẽ trả lại giấy chứng nhận trên cho bà M, ông D.

Đến hạn trả nợ, ông D yêu cầu bà M, ông T trả cho ông số tiền gốc là 640.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng bà M, ông D chỉ lẫn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

Do vậy, ông Phạm Ngọc D khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Thu M và ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông số nợ gốc là 640.000.000 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất là 20%/năm, tính từ ngày 03/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 02/6/2025 là 266.660.000 đồng. Ông D cho rằng số tiền cho vay là tài sản riêng của ông, không liên quan đến vợ của ông là bà Nguyễn Thị Quốc TH nên đề nghị Tòa án buộc bà Thu, ông D phải trả nợ cho cá nhân ông.

Đối với bị đơn bà Võ Thị Thu M và ông Nguyễn Văn T, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà M, ông T theo địa chỉ mà họ cư trú nhưng họ không có mặt tại địa phương. Theo Biên bản xác minh ngày 01/8/2025 tại Công an xã TM, tỉnh Lâm Đồng đã xác định: Bà Võ Thị Thu M và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng có đăng ký thường trú và sinh sống tại Khu phố 2, thị trấn TM, huyện HT, tỉnh Bình Thuận, nay là Thôn 5, xã TM, tỉnh Lâm Đồng. Khoảng một năm trước, vợ chồng bà M, ông T bỏ đi khỏi địa phương. Hiện nay, vợ chồng bà M, ông T không có mặt tại địa phương, việc họ sống ở đâu thì chính quyền địa phương không nắm rõ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; lập biên bản xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và đưa ra vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc là 640.000.000 đồng. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với nợ lãi, cụ thể yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo mức lãi suất là 20%/năm, tính từ ngày 03/5/2023 đến khi trả hết nợ, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 640.000.000 đồng x 20%/năm x (02 năm 04 tháng 27 ngày), thành tiền là 308.266.600 đồng. Tổng cộng là 948.266.600 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết lãi chậm trả đối với tiền lãi trong hạn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn ông Phạm Ngọc D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Võ Thị Thu M và ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông D khoản nợ gốc và nợ lãi theo giấy vay tiền mà các bên giao kết. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại Thôn 5, xã TM, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Về địa chỉ nơi cư trú của bị đơn: Tại đơn khởi kiện thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại Khu phố 2, thị trấn TM, huyện HT, tỉnh Bình Thuận, nay thuộc Thôn 5, xã TM, tỉnh Lâm Đồng. Theo Biên bản xác minh ngày 01/8/2025 tại Công an xã TM thể hiện bị đơn có địa chỉ nêu trên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thể tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, theo Giấy vay tiền đề ngày 03/5/2023, thì bị đơn có địa chỉ tại Thôn 5, xã TM, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, có căn cứ để khẳng định nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng nên được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Việc bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Do vậy, Tòa án không đình chỉ giải quyết vụ án mà tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị Thu M và ông Nguyễn Văn T vắng mặt. Xét thấy, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

[4] Theo nguyên đơn trình bày: Ngày 03/5/2023, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 640.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án Giấy vay tiền đề ngày 03/5/2023. Xét giấy vay tiền trên là bản chính, có chữ ký, chữ viết họ tên và điểm chỉ của người vay là bà M và ông T, nội dung của giấy vay tiền thể hiện đúng số tiền vay như nguyên đơn trình bày. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt, không tham gia tố tụng nên được coi là từ bỏ quyền của mình, kể cả quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ để

chứng minh nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như quyền phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, với những chứng cứ và nhận định nêu trên, có đủ căn cứ để tin rằng việc nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 640.000.000 như nguyên đơn trình bày là đúng sự thật.

[5] Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản nợ gốc 640.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Giấy vay tiền ngày 03/5/2023, thì thời hạn cho vay là 01 tháng, bị đơn cam kết đến ngày 03/6/2023 sẽ hoàn trả đủ tiến cho nguyên đơn. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng không có chứng cứ nào thể hiện việc bị đơn đã thanh toán số nợ gốc trên cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc trên cho nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật.

[6] Về tiền lãi: Theo Giấy vay tiền ngày 03/5/2023, lãi suất các bên thỏa thận là 3,9%/tháng, tương đương 46,8%/năm. Với mức lãi suất nêu trên là trái với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên mức lãi suất vượt quá 20%/năm không có hiệu lực. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 20%/năm để tính lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo thỏa thuận, thời hạn vay là 01 tháng, đến ngày 03/6/2023, bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc cho nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên sau ngày 03/6/2023, lẽ ra bị đơn phải chịu lãi quá hạn trên nợ gốc chưa thanh toán. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo mức lãi suất chung là 20%/năm để tính lãi trong hạn và quá hạn, xét yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện, có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 640.000.000 đồng x 20%/năm x 02 năm 04 tháng 27 ngày, thành tiền là 308.266.600 đồng. Đối với lãi chậm trả của khoản nợ lãi trong hạn, do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[7] Đối với yêu cầu bị đơn trả lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy, tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: "*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015*". Xét giấy cho vay mà các bên giao kết có thỏa thuận việc trả lãi và việc thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi suất chung là 20%/năm để tính lãi là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Do đó, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn phải tiếp tục trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất là 20%/năm.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc D, buộc bà Võ Thi Thu Mai và ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông D các khoản nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 948.266.600 đồng; trong đó: nợ gốc là 640.000.000 đồng, nợ lãi là 308.266.600 đồng và còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2025) cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là 20%/năm.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Điều 116, Điều 117, Điều 274, Điều 280, Điều 351, Điều 463, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Điều 5 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Võ Thị Thu M và ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Võ Thị Thu M và ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả cho ông Phạm Ngọc D tổng số nợ là 948.266.600 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng*); trong đó: nợ gốc là 640.000.000 đồng, nợ lãi là 308.266.600 đồng đồng;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Võ Thị Thu M và ông Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 20%/năm.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Thu M và ông Nguyễn Văn T phải chịu 40.447.998 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phạm Ngọc D số tiền 19.557.165 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002314 ngày 16/5/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng (Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2025); đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 15 - Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Trọng